

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2019/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2019

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục sản phẩm thức ăn chăn nuôi theo tập quán và nguyên liệu đơn được phép lưu hành tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư ban hành Danh mục sản phẩm thức ăn chăn nuôi theo tập quán và nguyên liệu đơn được phép lưu hành tại Việt Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục sản phẩm thức ăn chăn nuôi theo tập quán và nguyên liệu đơn được phép lưu hành tại Việt Nam, bao gồm:

1. Danh mục sản phẩm thức ăn chăn nuôi theo tập quán được phép lưu hành tại Việt Nam.
2. Danh mục sản phẩm nguyên liệu đơn dùng làm thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh, sử dụng thức ăn chăn nuôi trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 02 năm 2019.

2. Bãi bỏ Thông tư số 26/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục tạm thời thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm được phép lưu hành tại Việt Nam.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Các sản phẩm thức ăn chăn nuôi không thuộc Danh mục quy định tại Điều 1 Thông tư này đã được Cơ quan kiểm tra tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện kiểm tra xác nhận chất lượng theo quy định tại Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến

Phụ lục**DANH MỤC SẢN PHẨM THỨC ĂN CHĂN NUÔI THEO TẬP QUÁN VÀ NGUYÊN LIỆU ĐƠN ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. DANH MỤC SẢN PHẨM THỨC ĂN CHĂN NUÔI THEO TẬP QUÁN ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM**1.1. Thức ăn có nguồn gốc thực vật**

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Dạng sản phẩm
1.1.1	Ngô	Ngô hạt, ngô mảnh, ngô bột và các sản phẩm khác chỉ từ ngô được sản xuất làm thức ăn chăn nuôi
1.1.2	Thóc	Thóc, gạo, tấm, cám gạo và các sản phẩm khác chỉ từ thóc, gạo được sản xuất làm thức ăn chăn nuôi
1.1.3	Lúa mì	Mì hạt, bột mì, cám mì và các sản phẩm khác chỉ từ lúa mì được sản xuất làm thức ăn chăn nuôi
1.1.4	Gluten	Gluten ngô, gluten mì, gluten thức ăn chăn nuôi
1.1.5	Đậu tương	Đậu tương hạt, bột đậu tương nguyên dầu (cả vỏ hoặc tách vỏ) và các sản phẩm khác chỉ từ đậu tương được sản xuất làm thức ăn chăn nuôi
1.1.6	Khô dầu	Khô dầu đậu tương, khô dầu lạc, khô dầu cọ, khô dầu hạt cải, khô dầu vừng, khô dầu hướng dương, khô dầu lanh, khô dầu dừa, khô dầu bông, khô dầu đậu lupin
1.1.7	Sắn	Sắn củ, sắn bột, sắn lát và các sản phẩm khác chỉ từ sắn được sản xuất làm thức ăn chăn nuôi
1.1.8	Hạt các loại	Hạt đại mạch, hạt yến mạch, hạt cao lương (hạt lúa miến), hạt kê, hạt bông, hạt lanh, hạt vừng, hạt đậu xanh, hạt đậu Hà Lan, hạt lạc và các sản phẩm khác chỉ từ các hạt này được sản xuất làm thức ăn chăn nuôi
1.1.9	Thức ăn thô	Cỏ khô, cỏ tươi các loại; rơm các loại; vỏ trấu các loại
1.1.10	Phụ phẩm của ngành sản xuất cồn ethylic từ hạt cốc (DDGS - Distillers Dried Grains Solubles)	Có hàm lượng protein thô không nhỏ hơn 25,0; hàm lượng xơ thô không lớn hơn 12,0 (tính theo % khối lượng)

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Dạng sản phẩm
1.1.11	Mía	Mía, sản phẩm và phụ phẩm chỉ từ mía được sản xuất làm thức ăn chăn nuôi
1.1.12	Các loại củ	Khoai tây, khoai lang, khoai môn, khoai sọ
1.1.13	Các loại bã	Bã rượu, bã bia, bã dứa, bã đậu, bã sắn được dùng làm thức ăn chăn nuôi

1.2. Thức ăn có nguồn gốc động vật

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Dạng sản phẩm
1.2.1	Thức ăn có nguồn gốc từ thủy sản	Bột cá, bột đầu tôm, bột vỏ tôm, bột vỏ sò, bột cua, bột gan mực
1.2.2	Thức ăn có nguồn gốc từ động vật trên cạn	Bột huyết, bột hemoglobin, bột xương, bột thịt xương, bột thịt, bột gia cầm, bột lông vũ thủy phân

1.3. Sữa và sản phẩm từ sữa

TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Dạng sản phẩm
1.3.1	Sữa và sản phẩm từ sữa	<ul style="list-style-type: none"> - Whey có hàm lượng đường lactose không nhỏ hơn 60,0 (tính theo % khối lượng). - Lactose có hàm lượng đường lactose không nhỏ hơn 98,0 (tính theo % khối lượng). - Sữa nguyên bơ. - Bột sữa gầy. - Các sản phẩm được tách từ sữa.

1.4. Sản phẩm dầu, mỡ

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Dạng sản phẩm
1.4.1	Dầu, mỡ	Dầu, mỡ có nguồn gốc từ thực vật, động vật
1.4.2	Dầu cá	Dầu cá có hàm lượng chất béo không nhỏ hơn 98,0 (tính theo % khối lượng)

2. DANH MỤC SẢN PHẨM NGUYÊN LIỆU ĐƠN DÙNG LÀM THỨC ĂN CHĂN NUÔI ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

2.1. Axit amin

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Công thức hóa học	Yêu cầu kỹ thuật (%)	
			Dạng hợp chất	Dạng axit amin
2.1.1	L-Arginine	$C_6H_{14}N_4O_2$	-	$\geq 98,5^{(1)}$
2.1.2	L-Cysteine hydrochloride	$C_3H_8ClNO_2S$	-	$\geq 98,5^{(1)}$
2.1.3	L-Cysteine hydrochloride monohydrate	$C_3H_8ClNO_2S.H_2O$	-	$\geq 98,5^{(1)}$
2.1.4	L-Isoleucine	$C_6H_{13}N_2O$	-	$\geq 98,5^{(1)}$
2.1.5	L-Leucine	$C_6H_{13}N_2O$	-	$\geq 98,5^{(1)}$
2.1.6	L-Lysine (dạng lỏng)	$C_6H_{14}N_2O_2$	-	$\geq 50,0$
2.1.7	L-Lysine hydrochloride	$C_6H_{15}ClN_2O_2$	$\geq 98,5^{(1)}$	$\geq 78,0^{(1)}$
2.1.8	L-Lysine sulfate	$C_6H_{16}N_2O_6S$	$\geq 65,0^{(1)}$	$\geq 51,0^{(1)}$
2.1.9	DL-Methionine	$C_5H_{11}NO_2S$	-	$\geq 98,5$
2.1.10	L-Methionine	$C_5H_{11}NO_2S$	-	$\geq 90,0^{(1)}$
2.1.11	L-Serine	$C_3H_7NO_3$	-	$\geq 98,5^{(1)}$
2.1.12	L-Threonine	$C_4H_9NO_3$	-	$\geq 97,5^{(1)}$
2.1.13	L-Tryptophan	$C_{11}H_{12}N_2O_2$	-	$\geq 98,0$
2.1.14	L-Valine	$C_5H_{11}NO_2$	-	$\geq 98,5^{(1)}$

Ghi chú: ⁽¹⁾ tính theo vật chất khô.

2.2. Vitamin

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Công thức hóa học	Yêu cầu kỹ thuật	
			Dạng hợp chất	Dạng vitamin
2.2.1	Vitamin A (Retinyl)	$C_{20}H_{30}O$	-	$\geq 1 \times 10^6$ IU/g
2.2.2	Vitamin A (Retinyl acetate)	$C_{22}H_{32}O_2$	-	- Dạng bột: $\geq 5 \times 10^5$ IU/g; - Dạng dầu: $\geq 2,5 \times 10^6$ IU/g.

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Công thức hóa học	Yêu cầu kỹ thuật	
			Dạng hợp chất	Dạng vitamin
2.2.3	Vitamin A (Retinyl palmitate)	$C_{36}H_{60}O_2$	-	- Dạng bột: $\geq 2,5 \times 10^5$ IU/g; - Dạng dầu: $\geq 1,7 \times 10^6$ IU/g
2.2.4	Vitamin B ₁ (Thiamine hydrochloride)	$C_{12}H_{17}ClN_4OS.HCl$	$\geq 98,0\%$ ⁽¹⁾	$\geq 87,8\%$ ⁽¹⁾
2.2.5	Vitamin B ₁ (Thiamine mononitrate)	$C_{12}H_{17}N_4OS.NO_3$	$\geq 98,0\%$ ⁽¹⁾	$\geq 90,1\%$ ⁽¹⁾
2.2.6	Vitamin B ₂ (Riboflavin)	$C_{17}H_{20}N_4O_6$	-	$\geq 80,0\%$ ⁽¹⁾
2.2.7	Vitamin B ₃ (Niacin/ Nicotinic acid)	$C_6H_5NO_2$	-	$\geq 98,0\%$ ⁽¹⁾
2.2.8	Vitamin B ₃ (Niacinamide/ Nicotinamide)	$C_6H_6N_2O$	-	$\geq 98,0\%$ ⁽¹⁾
2.2.9	Vitamin B ₅ (D-Calcium pantothenate/ DL-Calcium pantothenate)	$C_{18}H_{32}CaN_2O_{10}$	$\geq 98,0\%$ ⁽¹⁾	$\geq 45,5\%$
2.2.10	Vitamin B ₆ (Pyridoxine hydrochloride)	$C_8H_{11}NO_3.HCl$	$\geq 98,0\%$ ⁽¹⁾	$\geq 80,7\%$ ⁽¹⁾
2.2.11	Vitamin B ₉ (Folic acid)	$C_{19}H_{19}N_7O_6$	-	$\geq 95,0\%$ ⁽¹⁾
2.2.12	Vitamin B ₁₂ (Cyanocobalamin)	$C_{63}H_{88}CoN_{14}O_{14}P$	-	$\geq 96,0\%$ ⁽¹⁾
2.2.13	Vitamin C (L-Ascorbic acid)	$C_6H_8O_6$	-	$\geq 97,0\%$

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Công thức hóa học	Yêu cầu kỹ thuật	
			Dạng hợp chất	Dạng vitamin
2.2.14	Vitamin C (L-Ascorbic acid-6-palmitate)	$C_{22}H_{38}O_7$	$\geq 95,0\%$	$\geq 40,3\%$
2.2.15	Vitamin C (L-Calcium ascorbate)	$C_{12}H_{14}CaO_{12}.2H_2O$	$\geq 98,0\%$	$\geq 80,5\%$
2.2.16	Vitamin C (L-Sodium ascorbate)	$C_6H_7NaO_6$	$\geq 98,0\%$	$\geq 87,1\%$
2.2.17	Vitamin C (Sodium calcium ascorbyl phosphate)	$C_6H_6O_9P.CaNa$	$\geq 95,0\%$	$\geq 35,0\%$
2.2.18	Vitamin D ₂ (Ergocalciferol)	$C_{28}H_{44}O$	$\geq 97,0\%$	$\geq 4,0 \times 10^7$ IU/g
2.2.19	Vitamin D ₃ (Cholecalciferol)	$C_{27}H_{44}O$	-	- Dạng dầu: $\geq 1,0 \times 10^6$ IU/g; - Dạng bột: $\geq 5,0 \times 10^5$ IU/g
2.2.20	Vitamin E (RRR- α -Tocopherol)	$C_{29}H_{50}O_2$	-	$\geq 50,0\%$
2.2.21	Vitamin E (DL- α -Tocopherol acetate)	$C_{31}H_{52}O_3$	- Dạng dầu: $\geq 92,0\%$ - Dạng bột: $\geq 50,0\%$	- Dạng dầu: ≥ 920 IU/g - Dạng bột: ≥ 500 IU/g
2.2.22	Vitamin H (D-Biotin)	$C_{10}H_{16}N_2O_3S$	-	$\geq 97,5\%$
2.2.23	Vitamin K ₃ (Menadione dimethyl pyrimidinol bisulfite)	$C_{17}H_{18}N_2O_6S$	$\geq 96,0\%$	$\geq 43,9\%$ (dạng menadione)

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Công thức hóa học	Yêu cầu kỹ thuật	
			Dạng hợp chất	Dạng vitamin
2.2.24	Vitamin K ₃ (Menadione nicotinamide bisulfite)	C ₁₇ H ₁₆ N ₂ O ₆ S	≥ 96,0%	≥ 43,9% (dạng menadione) ≥ 31,2% (dạng Nicotinamide)
2.2.25	Vitamin K ₃ (Menadione sodium bisulfite)	C ₁₁ H ₉ O ₅ NaS.3H ₂ O	≥ 96,0%	≥ 50,0% (dạng menadione)

Ghi chú: ⁽¹⁾ tính theo vật chất khô.

2.3. Khoáng

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi/ hợp chất hóa học	Công thức hóa học	Yêu cầu kỹ thuật, %	
			Dạng hợp chất	Dạng nguyên tố
2.3.1	Calcium carbonate	CaCO ₃	≥ 98,0 ⁽¹⁾	Ca ≥ 39,2 ⁽¹⁾
2.3.2	Dicalcium phosphate	CaHPO ₄ .2H ₂ O	-	P ≥ 16,5; Ca: 20,0-25,0
2.3.3	Monocalcium phosphate	Ca(H ₂ PO ₄) ₂ .H ₂ O	-	P ≥ 22,0; Ca: 15,0-18,0
2.3.4	Muối ăn	NaCl	-	Na ≥ 35,7; Cl ≥ 55,2

Ghi chú: ⁽¹⁾ tính theo vật chất khô.

2.4. Nguyên liệu đơn khác

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi/ hợp chất hóa học	Công thức hóa học	Chỉ tiêu kỹ thuật	
			Dạng hợp chất	Dạng nguyên tố
2.4.1	Urê (Urea) ⁽¹⁾	CH ₄ N ₂ O	-	Hàm lượng nitơ (N) tính theo vật chất khô, không nhỏ hơn 46,0 (tính theo % khối lượng)

Ghi chú: ⁽¹⁾ chỉ dùng làm thức ăn bổ sung cho gia súc nhai lại